

Bản án số 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/6/2020
V/v: Ly hôn giữa chị U, anh L.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hân, cán bộ nghỉ hưu xã Việt Hùng, huyện Quế Võ.
2. Bà Phan Thị Nhụ, cán bộ hưu thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thứ, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Phụng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 181/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2020 giữa các đương sự:

NgU đơn: Chị Nông Tố U, sinh năm 1993. (có mặt)

Cư trú: Xóm Bàu 2, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

HKTT: Thôn Phả Lại, xã Đức L, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Trần Quang L, sinh năm 1990. (vắng mặt)

STQ: Thôn Phả Lại, xã Đức L, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của phía chị U trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nông Tố U kết hôn với anh Trần Quang L vào tháng 11/2013, kết hôn do hai bên tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đức L, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi làm lễ cưới vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh L, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó cũng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn.

Theo phía chị U trình bày: Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng không có điều tiếng gì nhưng sau đó vợ chồng cũng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà ngU

nhân là do anh L không quan tâm gia đình, vợ con. Anh L trước đây là vận động viên môn vật nhưng sau không còn thi đấu nữa. Kể từ khi không còn thi đấu nhưng anh L vẫn quan hệ bạn bè xã hội, không chịu làm ăn lo lắng cho gia đình, vợ con. Anh L vô trách nhiệm với gia đình để một mình chị phải lo toan công việc nhà nên đã làm cho quan hệ vợ chồng ngày càng lâm vào tình trạng căng thẳng, vợ chồng mất dần tình cảm với nhau. Sau này chị còn được biết anh L có sa đà vào tệ nạn xã hội càng làm cho chị mất niềm tin vào anh L, mất niềm tin vào việc hàn gắn gia đình. Đến khoảng tháng 10/2016 thấy rằng vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nữa, tình nghĩa vợ chồng đã hết nên chị cùng với con về nhà bố mẹ đẻ trên Thái NgU để ở. Kể từ đó vợ chồng gần như chấm dứt quan hệ tình cảm, anh L cũng không quan tâm hỏi han gì chị cả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Chị U trình bày trong thời gian vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Trần Thị Phương Vy, sinh ngày 21/6/2014. Kể từ tháng 10/2016 chị đã cùng với con về nhà ông bà ngoại trên Thái NgU để ở và sinh sống. Nay ly hôn chị đề nghị tiếp tục được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nếu được nuôi con chung chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị U không có yêu cầu gì.

Đối với anh Trần Quang L: Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh L đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nhưng anh L không chấp hành. Tòa án đã tiến hành việc xác minh nơi cư trú hiện nay của anh L thì xác định được anh L vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn Phả Lại, xã Đức L, huyện Quế Võ. Anh L vẫn thường xU có mặt tại địa phương chứ không thuộc trường hợp không xác định được tung tích. Tòa án đã tiến hành xác minh với bà Nguyễn Thị Thuần là mẹ đẻ anh L thì xác định được anh L vẫn có mặt tại địa phương, anh L chỉ đi làm rồi về trong ngày. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng thông báo triệu tập anh L thông qua bà Thuần nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt không làm việc trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa.

Qua xác minh mâu thuẫn vợ chồng từ phía địa phương và gia đình anh L thì thấy, vợ chồng thực tế cũng đã mâu thuẫn với nhau. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay nhưng cũng không cải thiện được quan hệ tình cảm gì. Địa phương cũng thấy rằng khả năng đoàn tụ của vợ chồng là không có nên đề nghị Tòa án căn cứ thực tế giải quyết để vợ chồng được ly hôn.

Tại phiên tòa phía chị U vẫn giữ ngU yêu cầu của mình, không thay đổi bổ sung gì. Chị trình bày vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh L. Đối với anh L vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án: Về tố tụng, quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác và phía ngU đơn trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm

phải kiến nghị khắc phục. Đối với bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng đầy đủ, đảm bảo đúng quy định nhưng anh L vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt anh L là có căn cứ. Về giải quyết vụ án, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U. Về con chung cần giao cháu Phương Vy cho chị U được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, phí tổn cấp dưỡng nuôi con chung do chị U không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung không có và đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Từ nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Qua xác minh tại địa phương nơi anh L cư trú cũng như làm việc với gia đình anh L xác định được anh L vẫn cư trú tại thôn Phả Lại, xã Đức L, huyện Quế Võ mà không thuộc trường hợp biệt tích, không rõ tung tích. Do anh L vắng nhà không thực hiện việc tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho anh L được, nên Tòa án đã tiến hành giao văn bản cho bà Thuần là mẹ đẻ anh L và bà Thuần cam kết gửi văn bản cho anh L nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt, cố tình không tham gia tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa anh L vẫn vắng mặt lần thứ 2, do vậy căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là có căn cứ, đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Chị Nông Tố U kết hôn với anh Trần Quang L vào tháng 11/2013, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đức L, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh L, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó cũng đã nảy sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn qua lời trình bày của chị U thì xác định được mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do anh L sống buông thả, quan hệ bạn bè xã hội mà không quan tâm đến vợ con, không quan tâm đến gia đình nên đã làm cho chị U mất niềm tin vào anh L, tình cảm vợ chồng cũng vì thế mà ngày càng lạnh nhạt. Kể từ tháng 10/2016 vợ chồng đã không còn chung sống nhưng phía anh L cũng không có động thái gì để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Bản thân chị U xác định anh L đã sa đà vào tệ nạn xã hội, không còn là chỗ dựa cho chị được nữa nên chị vẫn giữ ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh L. Thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn với nhau đã trầm trọng và kéo dài, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị U, xử cho chị U được ly hôn anh Trần Quang L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Phương Vy, sinh ngày 21/6/2014. Kể từ tháng 10/2016 khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Vy ở với mẹ, hiện cháu cũng đã ổn định cuộc sống bên mẹ, cháu Vy được mẹ chăm sóc và được đi học, chăm lo chu đáo nên thấy rằng cần tiếp tục giao cho chị U được trực

tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị U không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị U trình bày không có và cũng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 207, 227, 228 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tU xử.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Tố U được ly hôn anh Trần Quang L.

2. *Về con chung*: Giao cho chị U được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Phương Vy, sinh ngày 21/6/2014, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị U không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức*: Không xem xét giải quyết do chị U không yêu cầu.

* *Về án phí*: Chị Nông Tố U phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà chị U đã nộp theo biên lai thu số 0001031 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Chị U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Chi cục THADS huyện Quế Võ.
- UBND xã Đức L, h Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Cây